

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**TRẦN HỒ HƯƠNG GIANG**

**MỞ RỘNG PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN  
TÍN DỤNG CHỨNG TỪ TẠI NGÂN HÀNG  
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng  
Mã số: 60.34.20**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng, năm 2012**

**Công trình hoàn thành tại  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Nguyễn Ngọc Vũ**

**Phản biện 1: TS. Võ Thị Thúy Anh**

**Phản biện 2: GS.TS. Dương Thị Bình Minh**

**Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận  
văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị Kinh doanh họp tại  
Đại học Đà Nẵng vào ngày 05 tháng 09 năm 2012**

**Có thể tìm hiểu luận văn tại:**

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng**
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng**

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Hoạt động ngoại thương ngày càng có vị trí quan trọng trong quá trình phát triển nền kinh tế đất nước. Như một mắt xích không thể thiếu được trong hoạt động kinh tế đối ngoại, hoạt động thanh toán quốc tế của các Ngân hàng ngày càng có vị trí và vai trò quan trọng, nó được coi là công cụ, là cầu nối trong quan hệ kinh tế, và thương mại giữa các nước trên thế giới. Với những ưu điểm vượt trội của mình, phương thức tín dụng chứng từ ngày càng trở nên phổ biến trong hoạt động thanh toán quốc tế. Vì vậy việc mở rộng phương thức thanh toán này tại các Ngân hàng ở Việt Nam là một nhu cầu cấp thiết để thúc đẩy sự phát triển của hoạt động thanh toán quốc tế.

Ngân hàng NNO&PTNT Quảng Bình qua hơn 10 năm tham gia hoạt động thanh toán quốc tế, bên cạnh những thành quả đã đạt được thì việc áp dụng phương thức tín dụng chứng từ tại Ngân hàng còn gặp nhiều khó khăn và chưa thực sự tương xứng với quy mô phát triển của Ngân hàng.

Xuất phát từ những lí do đó nên tôi đã quyết định lựa chọn đề tài *“Mở rộng phương thức thanh toán tín dụng chứng từ tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình”* để nghiên cứu.

### 2. Mục đích nghiên cứu

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận liên quan đến mở rộng phương thức thanh toán tín dụng chứng từ;

- Phân tích, đánh giá thực trạng mở rộng phương thức thanh toán tín dụng chứng từ tại NHNO&PTNT tỉnh Quảng Bình và khảo sát các nhân tố ảnh hưởng đến mở rộng phương thức TDCT tại Ngân hàng (cả về số lượng và chất lượng);

- Đề xuất ra một số giải pháp nhằm mở rộng phương thức thanh toán tín dụng chứng từ tại NHNO&PTNT tỉnh Quảng Bình.

### 3. Câu hỏi nghiên cứu

- Ngân hàng thương mại cần làm gì để mở rộng phương thức thanh toán tín dụng chứng từ?

- Thực trạng mở rộng phương thức tín dụng chứng từ tại NHNO&PTNT tỉnh Quảng Bình đã đạt được những kết quả và gặp phải những hạn chế nào? Do những nguyên nhân nào gây ra?

- Để mở rộng phương thức thanh toán tín dụng chứng từ tại NHNO&PTNT tỉnh Quảng Bình cần thực hiện những biện pháp nào?

### 4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu lý luận và thực tiễn liên quan đến phương thức tín dụng chứng từ và mở rộng phương thức thanh toán TDCT tại NHNO&PTNT tỉnh Quảng Bình.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Về không gian: Nghiên cứu trong địa bàn hoạt động của tỉnh Quảng Bình

+ Về thời gian: Nghiên cứu kết quả hoạt động giai đoạn từ năm 2009 - 2011.

### 5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu là duy vật biện chứng và duy vật lịch sử

- Sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích, thống kê, nghiên cứu tham khảo các tư liệu của các tác giả liên quan...để đi sâu phân tích vấn đề một cách rõ ràng dựa trên cơ sở khoa học.

### 6. Ý nghĩa thực tiễn của đề tài:

Phân tích và đánh giá thực trạng mở rộng phương thức thanh toán tín dụng chứng từ tại NHNO&PTNT tỉnh Quảng Bình, chỉ ra

những thành tựu, hạn chế và tìm ra nguyên nhân. Từ đó có những đề xuất, kiến nghị phương hướng và có những giải pháp góp phần mở rộng hoạt động thanh toán theo phương thức TDCT tại NHN<sub>O</sub>&PTNT tỉnh Quảng Bình.

### **7. Kết cấu đề tài**

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về mở rộng phương thức thanh toán tín dụng chứng từ tại ngân hàng thương mại.

Chương 2: Thực trạng mở rộng phương thức thanh toán tín dụng chứng từ tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Tỉnh Quảng Bình.

Chương 3: Giải pháp mở rộng phương thức thanh toán tín dụng chứng từ tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Tỉnh Quảng Bình.

## **CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ MỞ RỘNG PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

### **1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ**

#### **1.1.1. Định nghĩa**

#### **1.1.2. Thư tín dụng (Letter of Credit – L/C)**

##### *1.1.2.1. Khái niệm*

##### *1.1.2.2. Nội dung của thư tín dụng:*

##### *1.1.2.3. Các loại thư tín dụng*

#### **1.1.3. Các bên tham gia vào quá trình thanh toán theo phương thức tín dụng chứng từ.**

#### **1.1.4. Quy trình nghiệp vụ thanh toán tín dụng chứng từ**

#### **1.1.5. Rủi ro trong phương thức TDCT**

#### **1.1.6. Các văn bản pháp lý có liên quan trong thanh toán tín dụng chứng từ**

##### *1.1.6.1. Các tập quán quốc tế:*

##### *1.1.6.2. Các văn bản pháp luật trong nước:*

### **1.2. MỞ RỘNG PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ**

#### **1.2.1. Quan điểm về mở rộng phương thức thanh toán tín dụng chứng từ tại NHTM**

#### **1.2.2. Tiêu chí phản ánh việc mở rộng phương thức thanh toán TDCT tại các NHTM.**

##### *1.2.2.1. Tiêu chí phản ánh việc mở rộng phương thức thanh toán TDCT về số lượng*

##### *a. Tỷ lệ tăng trưởng hàng năm về doanh số*

b. Thu nhập

c. Thị phần

#### **1.2.2.2. Tiêu chí phân ánh việc mở rộng phương thức thanh toán TDCT về chất lượng**

a. Mức độ đa dạng về sản phẩm hoạt động thanh toán theo phương thức TDCT:

b. Quy mô hoạt động theo phương thức thanh toán TDCT:

c. Chất lượng dịch vụ:

d. Công tác quản lý và phòng ngừa rủi ro trong hoạt động theo phương thức thanh toán TDCT

#### **1.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc mở rộng phương thức thanh toán TDCT**

##### **1.2.3.1. Nhân tố khách quan:**

a. Số lượng khách hàng

b. Các chính sách vĩ mô của Nhà nước

c. Sự phát triển của các doanh nghiệp XNK

d. Tỷ giá hối đoái

e. Tình hình chính trị xã hội và hành lang pháp lý

##### **1.2.3.2. Nhân tố chủ quan**

a. Tốc độ gia tăng về công nghệ:

b. Quy mô hoạt động của Ngân hàng:

c. Uy tín của NHTM trong nước và quốc tế:

d. Trình độ nghiệp vụ của cán bộ ngân hàng:

e. Các hoạt động khác có liên quan đến hoạt động thanh toán XNK:

f. Cơ cấu tổ chức, điều hành hoạt động thanh toán xuất nhập khẩu:

g. Các chính sách của Ngân hàng

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**



Chương 1 trình bày những kiến thức cơ bản về phương thức tín dụng chứng từ và mở rộng phương thức tín dụng chứng từ tại ngân hàng thương mại; trình bày những khái niệm, nội dung cơ bản về tín dụng chứng từ, quy trình thanh toán tín dụng chứng từ, các văn bản pháp lý có liên quan và những rủi ro gặp phải trong thanh toán tín dụng chứng từ. Bên cạnh đó, chương 1 cũng đề cập đến những tiêu chí ảnh hưởng tới việc mở rộng phương thức TDCT tại ngân hàng và các nhân tố cơ bản để có thể mở rộng hoạt động này.

Chương 1 đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về mở rộng phương thức tín dụng chứng từ tại ngân hàng thương mại, tạo cơ sở để chương 2 đi sâu vào phân tích thực trạng, đánh giá những mặt đạt được và hạn chế trong quá trình mở rộng phương thức thanh toán TDCT tại NH<sub>N</sub>O&PTNT tỉnh Quảng Bình.

## CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG MỞ RỘNG PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH

### 2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NHNo&PTNT TỈNH QUẢNG BÌNH.

#### 2.1.1. Quá trình hình thành, phát triển của chi nhánh NHNo&PTNT tỉnh Quảng Bình:

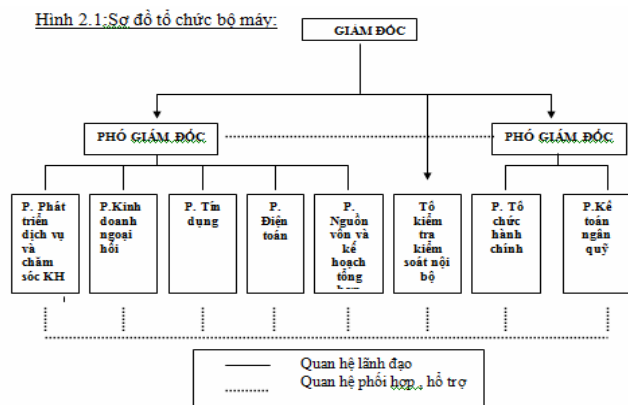
Ngân hàng Nông nghiệp phát triển tỉnh quảng bình được thành lập theo quyết định 85/NH – QĐ ngày 06/09/1989 của tổng giám đốc NHNo, sau này đổi tên thành Ngân hàng nông nghiệp và đến ngày 05/10/1996 đổi thành NHNo&PTNT tỉnh Quảng Bình.

#### 2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của chi nhánh NHNo&PTNT Quảng Bình:

##### 2.1.2.1. Chức năng

##### 2.1.2.2. Nhiệm vụ

##### 2.1.2.3. Về cơ cấu tổ chức



### 2.1.3. Kết quả hoạt động kinh doanh NHNo& PTNT Quảng Bình

#### 2.1.3.1. Tình hình huy động vốn

#### 2.1.3.2. Tình hình cho vay

#### 2.1.3.3. Kết quả hoạt động kinh doanh của chi nhánh:

**Bảng 2.3: Kết quả hoạt động kinh doanh của NHNo&PTNT Quảng Bình**

*DVT: triệu đồng*

Chi tiêu	2009	2010	2011	2010/2009		2011/2010	
	ST	ST	ST	ST	TL(%)	ST	TL(%)
<b>1.Tổng TN</b>	<b>73,673</b>	<b>95,774</b>	<b>100,520</b>	<b>22,101</b>	<b>30,00</b>	<b>4,746</b>	<b>4.96</b>
TN lãi vay	64,641	85,967	89,008	21,326	33	3,003	3.49
Thu từ DV	5,023	6,628	7,055	1,596	31.72	427	6.44
Thu khác	4,000	3,180	4,457	-820	-20.5	1,127	40.2
<b>2.Tổng chi</b>	<b>50,443</b>	<b>69,881</b>	<b>68,469</b>	<b>19,438</b>	<b>38.53</b>	<b>-1,412</b>	<b>-2.02</b>
Chi trả lãi	35,835	49,720	51,254	13,885	38.75	1,534	3.09
Chi khác	14,608	20,161	17,215	-5,553	38.01	-2,946	-14.61
<b>3.Lợi nhuận</b>	<b>23,230</b>	<b>25,893</b>	<b>32,051</b>	<b>2,663</b>	<b>11.46</b>	<b>6,158</b>	<b>23.78</b>

*(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ NHNo&PTNT tỉnh QB giai đoạn 2009 - 2011)*

Kết quả hoạt động kinh doanh trong 3 năm của NH là lợi nhuận và còn gia tăng qua các năm nhưng vẫn còn những hạn chế về đối tượng huy động vốn và chưa có sự tính toán chi phí bỏ ra cho hợp lý.

## 2.2. THỰC TRẠNG MỞ RỘNG PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ TẠI NHNo&PTNT QB.

### 2.2.1. Quy trình thanh toán L/C

#### 2.2.1.1. Quy trình thanh toán L/C nhập khẩu

(1): Tiếp nhận và kiểm tra đơn xin mở L/C

- (2): Phê duyệt và cấp hạn mức phát hành Đối với các  
 (3): Đăng kí và phát hành L/C nhập khẩu  
 (4): Nhận, kiểm tra, xử lý chứng từ, thanh toán/chấp nhận thanh toán

### 2.2.2.. Quy trình thanh toán L/C xuất khẩu

- (1): Tiếp nhận và kiểm tra L/C  
 (2): Thông báo L/C Sau khi kiểm tra tính chân thực và nội dung.  
 (3): Tiếp nhận và kiểm tra bộ chứng từ  
 (4): Thanh toán / chấp nhận thanh toán L/C xuất khẩu

### 2.2.2. Thực trạng mở rộng phương thức thanh toán TDCT về số lượng tại NHNo&PTNT Quảng Bình

#### 2.2.2.1. Doanh số hoạt động thanh toán theo phương thức TDCT

**Bảng 2.4: Doanh số thanh toán TDCT tại NHNo&PTNT QB**

Đơn vị: 1000USD

Chỉ tiêu	2009		2010		2011	
	DS	TT%	DS	TT%	DS	TT%
TDCT	64,505	58.54	81,823	67.73	84,930	53.08
Tổng TTQT	110,195	100.00	120,811	100.00	160,000	100.00
<b>Tốc độ tăng trưởng DS thanh toán TDCT qua các năm</b>						
Số tuyệt đối	-		17,320		3,111	
Số tương đối	-		2.85%		32.84%	

(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ NHNo&PTNT tỉnh QB giai đoạn 2009 - 2011)

Phương thức tín dụng chứng từ là phương thức chiếm tỷ trọng ngày càng cao và quan trọng nhất trong hoạt động TTQT của chi nhánh.

### 2.2.2.2. Doanh số thanh toán L/C xuất nhập khẩu tại NHNo&PTNT tỉnh QB

Thanh toán L/C xuất khẩu đóng góp đáng kể cho sự phát triển của chi nhánh. Đây được coi là bộ phận có tốc độ tăng trưởng ổn định, chiếm tỷ trọng lớn và tổng kim ngạch chiếm trung bình khoảng 51% tổng kim ngạch thanh toán quốc tế.

**Bảng 2.5: Doanh số thanh toán xuất nhập khẩu theo TDCT tại NHNo&PTNT QB**

Đơn vị: 1000USD

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2010/2009		2011/ 2010	
	ST	ST	ST	ST	%	ST	%
L/C NK	42,750	60,520	62,350	17,770	41.57	1,830	3.02
L/C XK	21,755	21,303	22,580	-452	-2.08	1,277	5.99

(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ NHNo&PTNT tỉnh QB năm 2009 - 2011)

Nhìn vào bảng số liệu doanh số thanh toán L/C xuất nhập khẩu tại NHNo&PTNT Quảng Bình cho ta thấy doanh số L/C nhập luôn cao hơn doanh số L/C xuất.

### 2.2.2.3. Thu nhập từ hoạt động thanh toán theo phương thức TDCT

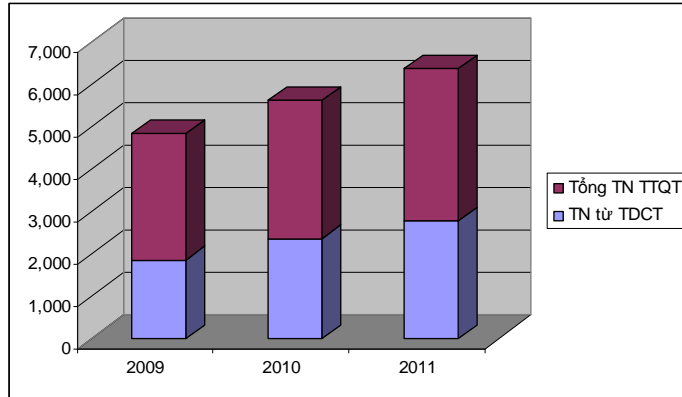
**Bảng 2.6: Thu nhập hoạt động thanh toán theo phương thức TDCT của NHNo&PTNT Quảng Bình**

Đơn vị: 1000 USD

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2010-2009		2011-2010	
	ST	ST	ST	ST	%	ST	%
TN từ TDCT	1,865	2,364	2,785	499	26.756	421	17.81
Tổng TN TTQT	2,986	3,265	3,594	279	9.344	329	10.08

(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ NHNo&PTNT tỉnh QB năm 2009 - 2011)

**Biểu đồ 2.3. Thu nhập hoạt động thanh toán theo phương thức TDCT của NHNoQB**



Nhìn chung trong những năm qua, hoạt động thanh toán quốc tế tại NHNoQB không ngừng phát triển và ngày càng được hoàn thiện hơn, phí dịch vụ từ hoạt động này tương đối cao so với các dịch vụ khác, trong đó nguồn phí thanh toán bằng tín dụng chứng từ chiếm tỷ trọng khá lớn.

#### **2.2.2.4. Thị phần thanh toán L/C xuất nhập khẩu của NHNoQB.**

Ta có thể thấy được sự tăng trưởng về thị phần thanh toán xuất nhập khẩu của NHNo&PTNT tỉnh Quảng Bình thông qua bảng số liệu dưới đây:

**Bảng số 2.7: Thị phần thanh toán xuất nhập khẩu của các NH trên địa bàn tỉnh**

Đơn vị: 1000 USD

Ngân hàng	2009		2010		2011	
	ST	%	ST	%	ST	%
NHĐT QB	40,570	11.89	67,390	15.58	80,700	17.18
NHCT QB	70,341	20.62	85,700	19.81	90,870	19.34
NHNo QB	64,505	18.91	81,823	18.91	84,930	18.08
NHNT QB	100,340	29.42	125,821	29.08	132,956	28.3
NHTM khác	65,350	19.16	71,900	16.62	80,390	17.11

(Nguồn Báo cáo thường niên của NHNN tỉnh QB năm 2009-2011)

Theo số liệu trên ta thấy rằng, Ngân hàng Ngoại thương Quảng Bình vẫn là Ngân hàng đứng đầu về thị phần thanh toán hàng xuất khẩu theo phương thức L/C trong các Ngân hàng. Tuy vậy Ngân hàng No&PTNT tỉnh Quảng Bình cũng đang dần khẳng định được vị thế của Ngân hàng mình trong lĩnh vực này.

#### **2.2.3. Thực trạng mở rộng phương thức thanh toán TDCT về chất lượng tại NHNo&PTNT Quảng Bình**

##### **2.2.3.1. Mức độ đa dạng về sản phẩm thanh toán theo phương thức TDCT**

- Thư tín dụng không huỷ ngang
- Thư tín dụng không huỷ ngang có xác nhận
- Thư tín dụng chuyển nhượng

### 2.2.3.2. Quy mô hoạt động theo phương thức TDCT

Hiện nay Agribank có quan hệ đại lý với 1.065 ngân hàng tại 97 quốc gia, vùng lãnh thổ và trao đổi mã khoá SWIFT, có thể đi thẳng tới một số địa chỉ SWIFT của các ngân hàng đại lý, chi nhánh ngân hàng và các phòng ban của họ.

### 2.2.3.3. Chất lượng dịch vụ thanh toán theo phương thức TDCT tại NHNo&PTNT QB

Được đánh giá theo 3 thời điểm trước, trong và sau khi giao dịch.

**Bảng 2.9: Chất lượng dịch vụ thanh toán theo phương thức TDCT tại NHNoQB**

Mức độ đánh giá	Trước khi giao dịch		Trong khi giao dịch		Sau khi giao dịch	
	Số phiếu	Tỷ trọng (%)	Số phiếu	Tỷ trọng (%)	Số phiếu	Tỷ trọng (%)
Rất tốt	15	18.75	20	25.00	23	28.75
Tốt	40	50.00	35	43.75	48	60.00
Bình thường	24	30.00	25	31.25	7	8.75
Kém	1	1.25	0	0.00	2	2.50
Rất kém	0	0.00	0	0.00	1	1.25
<b>Tổng cộng</b>	<b>80</b>	<b>100</b>	<b>80</b>	<b>100</b>	<b>80</b>	<b>100</b>

Tóm lại, qua điều tra chất lượng dịch vụ hoạt động thanh toán theo phương thức TDCT của 80 doanh nghiệp tại 4 địa bàn trong tỉnh Quảng Bình cho thấy chất lượng dịch vụ mà chi nhánh cung cấp tốt tuy nhiên vẫn chưa thu hút được nhiều khách hàng và vẫn chưa thực sự đáp ứng một cách thỏa mãn tất cả các khách hàng.

### 2.2.3.4. Công tác quản lý rủi ro trong hoạt động thanh toán theo phương thức TDCT tại NHNoQB.

#### a. Một số rủi ro thường gặp trong thanh toán TDCT tại NHNoQB

- + Rủi ro do sơ suất trong kiểm tra chứng từ:
- + Rủi ro do tập quán kiểm chứng từ của NHPH, do bất đồng quan điểm với Agribank.
- + Rủi ro do giả mạo chứng từ.
- + Rủi ro gửi chứng từ
- + Rủi ro do là khách hàng mới giao dịch lần đầu

#### b. Công tác quản lý rủi ro trong thanh toán TDCT tại NHNoQB

Với những thành tựu đạt được trong hoạt động thanh toán, qui trình thanh toán L/C tương đối hoàn chỉnh, doanh số thanh toán L/C liên tục tăng qua các năm, điều này chứng tỏ chi nhánh đã có sự nỗ lực rất lớn trong công tác quản lý rủi ro khâu thanh toán L/C, chi nhánh đã phần nào khắc phục được những rủi ro xảy ra trước đó.

### 2.2.4. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mở rộng phương thức thanh toán TDCT tại NHNo&PTNT Quảng Bình

#### 2.2.4.1. Sự gia tăng về công nghệ

NHNo&PTNT tỉnh Quảng Bình tiến hành các thao tác nghiệp vụ dựa trên hệ thống máy vi tính hiện đại với phần mềm luôn được cập nhật để phù hợp với hệ thống truyền dữ liệu quốc tế. Ngân hàng bắt đầu tham gia mạng SWIFT ngay từ khi mới thành lập, và hiện nay Ngân hàng đã xử lý được khoảng trên 600 điện qua mạng này với tỷ lệ xử lý tự động đạt trên 99%.

#### 2.2.4.2. Tình hình khách hàng tham gia thanh toán theo phương thức TDCT tại NHNo&PTNT QB

Số lượng khách hàng thanh toán xuất nhập khẩu tại chi nhánh không nhiều, tập trung chủ yếu là công ty ngoài quốc doanh.



### **2.2.4.3. Uy tín của Ngân hàng NN&PTNT tỉnh Quảng Bình**

Uy tín của NHNo&PTNT tỉnh Quảng Bình nói chung và trong lĩnh vực thanh toán L/C XNK nói riêng trên trường quốc tế cũng ngày càng được nâng cao, thông qua việc các ngân hàng nước ngoài chấp nhận những thư tín dụng nhập khẩu do Ngân hàng mở có giá trị lớn, lựa chọn là ngân hàng xác nhận cho những thư tín dụng nhập khẩu do các NHTM khác trong nước phát hành, phát hành tái bảo lãnh cho các thư bảo lãnh đối ứng của các ngân hàng nước ngoài và trị giá cũng như số món của các giao dịch tái bảo lãnh này ngày càng gia tăng.

### **2.2.4.4. Trình độ nghiệp vụ của cán bộ TTQT**

Trong những năm gần đây, NHNo&PTNT tỉnh Quảng Bình đã đưa ra được nhiều chính sách khách hàng hợp lý như: ưu đãi về chi phí thông báo, kiểm tra sửa đổi chứng từ, thư tín dụng, phục vụ khách hàng tận nơi trong công việc lưu chuyển chứng từ... Chính vì thế so với các ngân hàng thương mại khác thì NHNo&PTNT tỉnh Quảng Bình có lượng khách hàng chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong hoạt động thanh toán xuất nhập khẩu của mình.

### **2.2.4.5. Các chính sách của Ngân hàng**

## **2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN THEO PHƯƠNG THỨC TDCT TẠI NHNo&PTNT QB**

### **2.3.1. Kết quả đạt được**

### **2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân**

#### **2.3.2.1. Hạn chế**

Phương thức TDCT tại NH chưa mở rộng diện phục vụ.

Doanh số cũng như thu nhập từ dịch vụ thanh toán tín dụng chứng từ của chi nhánh so với một số ngân hàng trên địa bàn cũng như so với toàn hệ thống còn thấp.

Mất cân đối lớn giữa thanh toán L/C hàng nhập khẩu và thanh toán L/C hàng xuất khẩu.

Mức độ xử lý tự động các giao dịch chưa cao, giao dịch vẫn phụ thuộc nhiều vào thao tác của con người.

Các hình thanh toán TDCT chưa đa dạng.

Cơ sở vật chất, kỹ thuật, trụ sở làm việc còn chật chội, chưa đáp ứng được yêu cầu của một ngân hàng hiện đại.

Hiện nay chi nhánh chưa có phòng TTQT riêng biệt.

### **2.3.2.2. Nguyên nhân**

*a/Nhóm nguyên nhân chủ quan:*

Mô hình tổ chức quản lý và quy trình nghiệp vụ thanh toán L/C xuất nhập khẩu tại chi nhánh còn nhiều vấn đề bất cập, chưa hợp lý.

Việc thanh toán L/C toàn bộ đều tập trung qua hội sở chính.

Sự kết hợp, hỗ trợ lẫn nhau giữa các phòng ban nói chung và với các cán bộ nhân viên nói riêng chưa thường xuyên và hiệu quả.

Công nghệ thanh toán của Ngân hàng NN&PTNT tỉnh Quảng Bình chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn.

Công tác kiểm tra, kiểm soát về các nghiệp vụ thanh toán theo phương thức thanh toán TDCT chưa được quan tâm thường xuyên.

Trình độ cán bộ làm công tác thanh toán L/C ở chi nhánh chưa đáp ứng kịp nhu cầu của thị trường.

Mạng lưới ngân hàng đại lý thời gian qua đã phát triển tương đối nhanh song vẫn còn nhỏ bé so với vị thế và tiềm năng của ngân hàng.

Chưa có chính sách thực sự thu hút, lôi kéo khách hàng đến giao dịch tại Ngân hàng NN&PTNT tỉnh Quảng Bình, các hoạt động Marketing chưa được chú trọng đầu tư.

*b/Nhóm nguyên nhân khách quan*

Trình độ hiểu biết của KH về L/C còn hạn chế

Các doanh nghiệp thiếu chủ động trong việc thu thập thông tin, tìm hiểu và tiếp cận các thị trường mới giàu tiềm năng

Thủ tục pháp lý: còn rườm rà, phân cấp nhiều

Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các ngân hàng.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 2



*Thông qua việc phân tích số liệu và luận giải những vấn đề về thực trạng mở rộng phương thức thanh toán tín dụng chứng từ tại NN&PTNT Tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2009 – 2011, chương 2 đã trình bày với hệ thống tư liệu và số liệu phong phú đã nêu lên được những kết quả và hạn chế chủ yếu trong mở rộng phương thức TDCT. Từ đó phân tích các nguyên nhân làm ảnh hưởng đến quá trình mở rộng hoạt động thanh toán theo phương thức TDCT tại NN&PTNT Tỉnh Quảng Bình trong thời gian quá.*

*Trên cơ sở này chương 3 sẽ đưa ra những giải pháp nhằm mở rộng phương thức thanh toán TDCT tại NN&PTNT Tỉnh Quảng Bình trong thời gian tới.*

### **CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP MỞ RỘNG PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH**

#### **3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN QUỐC TẾ TẠI NGÂN HÀNG NNo&PTNT QB**

##### **3.1.1 Định hướng chung**

Mở rộng và nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ như: mua bán ngoại tệ, thanh toán quốc tế, thanh toán chuyển tiền, dịch vụ thanh toán thẻ, séc du lịch...

##### **3.1.2 . Định hướng trong hoạt động thanh toán TDCT**

Xác định phương thức thanh toán quốc tế bằng L/C vẫn là phương thức chủ đạo và đóng góp phí nhiều nhất vào tổng phí trong thanh toán quốc tế.

#### **3.2. GIẢI PHÁP MỞ RỘNG PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ TẠI NGÂN HÀNG NNo&PTNT TỈNH QUẢNG BÌNH**

##### **3.2.1. Chuẩn hoá quy trình nghiệp vụ thanh toán TDCT**

Ngân hàng cần đơn giản hóa dần mẫu mã của đơn xin mở L/C, phiếu kiểm tra chứng từ, giảm bớt các thủ tục phiền hà từ khâu nhận chứng từ đến khâu thanh toán, một thanh toán viên có thể thực hiện hết mọi khâu giao dịch với khách hàng, tăng cường quyền tự quyết cho từng bộ phận, từng thanh toán viên

##### **3.2.2. Tăng cường công tác quản lý, đa dạng các hình thức L/C**

Ngân hàng NNo&PTNT tỉnh Quảng Bình cần phải mạnh dạn thực hiện các hình thức mới để thu hút khách hàng tăng giá trị thanh toán qua ngân hàng và mở rộng hơn nữa phương thức thanh toán tín dụng chứng từ tại Ngân hàng.

##### **3.2.3. Tăng cường khả năng cập nhật thông tin liên quan đến luật pháp và tập quán quốc tế.**

NH nên tự tạo cho mình một quy định riêng dựa trên cơ sở pháp lí duy nhất là UCP600, tùy theo trình độ và đặc điểm của NH.

##### **3.2.4. Hiện đại hoá công nghệ trong việc thanh toán TDCT**

Phát triển thanh toán quốc tế theo phương thức tín dụng chứng từ nói riêng và thanh toán quốc tế nói chung không thể gắn liền với quá trình đổi mới công nghệ ngân hàng.

##### **3.2.5. Nâng cao công tác kiểm tra - kiểm soát trong thanh toán TDCT**

NHNoQB cũng nên đề nghị phòng thanh toán quốc tế TW cử cán bộ có năng lực xuống kiểm tra định kỳ, về thực hiện quy chế thanh toán của NHNoQB để kịp thời phát hiện những biến động, những sai phạm và biểu hiện lệch lạc, từ đó có biện pháp cùng NH điều chỉnh, uốn nắn kịp thời.

##### **3.2.6. Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, thẩm định thông tin khách hàng tham gia thanh toán theo phương thức TDCT.**

Phối hợp giữa Phòng kinh doanh và phòng KDĐN cùng các phòng ban khác trong công tác kiểm tra thẩm định thông tin khách hàng nhằm mục đích đánh giá đúng khách hàng phục vụ cho việc ra quyết định một cách đúng đắn, hiệu quả.

### 3.2.7. Áp dụng eLC trong thanh toán

Cần phải lựa chọn cho mình một tổ chức cung cấp các dịch vụ thương mại điện tử, kiểm tra chứng từ điện tử... như @Global Trade, Bolero.net.

### 3.2.8. Đẩy mạnh công tác tư vấn thanh toán TDCT đối với KH

Đẩy mạnh hơn nữa công tác tư vấn khách hàng và việc tư vấn này phải được thể hiện bằng văn bản vì làm như vậy sẽ đảm bảo tính pháp lý trong giao dịch giữa các thanh toán viên của Ngân hàng với khách hàng, tăng cường độ tin cậy của khách hàng, từ đó nâng cao hiệu quả của công tác tư vấn.

### 3.2.9. Mở rộng có hiệu quả mạng lưới ngân hàng đại lý

Ngân hàng có thể thông qua mạng lưới ngân hàng đại lý của Ngân hàng, hoặc thông qua trực tiếp các ngân hàng đại lý từng quen biết..

### 3.2.10. Nâng cao trình độ nghiệp vụ thanh toán viên

- Tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ, bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên sâu về chuyên môn.

- Cử cán bộ đi du học nước ngoài chuyên về lĩnh vực thanh toán quốc tế

- Tranh thủ lớp tập huấn, đào tạo do NHNoVN tổ chức, các lớp đào tạo do các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế tài trợ.

## 3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

### 3.3.1. Kiến nghị với NHNo&PTNT Việt Nam.

*3.3.1.1. Hoàn thiện qui trình nghiệp vụ.*

*3.3.1.2. Đổi mới công nghệ ngân hàng.*

*3.3.1.3. Trao quyền tự chủ cho các chi nhánh*

*3.3.1.3 Tăng cường quan hệ đại lý quốc tế.*

*3.3.1.4. Có chính sách khen thưởng kịp thời.*

### 3.3.2. Kiến nghị với Nhà nước:

*3.3.2.1. Hoàn thiện môi trường pháp lý cho hoạt động ngân hàng nói chung và hoạt động thanh toán quốc tế nói riêng.*

*3.3.2.2. Hoàn thiện cơ chế quản lý xuất nhập khẩu.*

### KẾT LUẬN CHƯƠNG 3



*Qua nghiên cứu cơ sở lý luận ở chương 1 và đánh giá thực trạng mở rộng phương thức thanh toán TDCT trong chương 2, chương 3 đã nêu ra một số giải pháp cho Agribank tỉnh Quảng Bình nhằm mở rộng phương thức thanh toán bằng TDCT tại Ngân hàng. Bên cạnh đó, chương 3 còn đưa ra những kiến nghị đối với cơ quan quản lý nhà nước và các kiến nghị riêng đối với Agribank Việt Nam. Các giải pháp này nhằm mở rộng phương thức thanh toán bằng tín dụng chứng từ và nâng cao hiệu quả của phương thức này đối với các Agribank nói riêng và các NHTM nói chung.*

### KẾT LUẬN

Phát triển kinh tế đối ngoại là một yếu tố khách quan nhằm phục vụ sự phát triển kinh tế, xây dựng đất nước theo định hướng XHCN. Thông qua hoạt động kinh tế đối ngoại giúp tạo ra nguồn ngoại tệ cần thiết để phục vụ nhập khẩu công nghệ kỹ thuật, thiết bị hiện đại. Hoạt động thanh toán quốc tế của ngân hàng là hoạt động không thể thiếu trong hoạt động kinh tế đối ngoại, là công cụ là cầu nối trong quan hệ kinh tế và thương mại giữa các nước.

Hoạt động thanh toán hàng xuất khẩu chủ yếu sử dụng theo phương thức tín dụng chứng từ đang trở thành một trong những mảng hoạt động dịch vụ lớn, mang lại nhiều lợi ích cho các NHTM, giúp nhà kinh doanh thanh toán tiền cho nhà xuất khẩu một cách nhanh chóng và đảm bảo.

Việc mở rộng phương thức tín dụng chứng từ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình có vai trò quan trọng không chỉ đối với sự nghiệp phát triển NHNo&PTNT tỉnh Quảng Bình nói riêng mà với cả hệ thống NHNo&PTNT Việt Nam nói chung và sự nghiệp phát triển kinh tế của đất nước, góp phần thúc đẩy hoạt động ngoại thương Việt Nam ngày càng phát triển, đưa đất nước ngày càng hội nhập sâu với khu vực và thế giới./

**Đà Nẵng, năm 2012**

Tác giả

**TRẦN HỒ HƯƠNG GIANG**